Phụ lục số 02

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(kèm theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 16/01/2024)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán huyện giao	Tiết kiệm chi 10% để CCTL	Dự toán HĐND giao sau khi trừ TKC	Ghi chú
Tổng chi ngân sách thị trấn Sịa		**22,210,000,000**	**133,000,000**	**39,136,000,000**	
A	**Chi cân đối qua ngân sách (I+...+VI)**	**22,210,000,000**	**133,000,000**	**39,136,000,000**	
I	**Chi tiền sử dụng đất**	**15,879,000,000**	**0**	**32,805,000,000**	
1	**Chi đầu tư phát triển**	**15,879,000,000**		**32,030,000,000**	
1.1	**Công trình chuyển từ KH đầu tư công năm 2023 chuyển sang**			**28,380,000,000**	
1.1.1	Hạ tầng khu dân cư An Gia (Chăn nuôi cũ)			3,000,000,000	
1.1.2	Hạ tầng khu dân cư Giang Đông			5,000,000,000	
1.1.3	Hạ tầng khu dân cư phía Bắc nhà văn hóa huyện Quảng Điền (GĐ2)			4,938,701,000	
1.1.4	Hạ tầng khu dân cư phía Bắc nhà văn hóa huyện(GĐ3)			1,561,299,000	
1.1.5	Quy hoạch và chỉnh trang bờ sông Sịa đoạn qua khu vực Chợ Côi			3,500,000,000	
1.1.6	Xây dựng tuyến phố văn minh và gờ giảm sốc			1,000,000,000	
1.1.7	GPMB dự án Kè kết hợp chỉnh trang bờ Bắc sông Sịa (Giai đoạn 2)			330,000,000	
1.1.8	Hệ thống thoát nước TDP Thạch Bình			1,100,000,000	
1.1.9	Hệ thống thoát nước TDP Tráng Lực			700,000,000	
1.1.10	Chỉnh trang quy hoạch nút giao thông Tam Giang-Trần Hữu Khác			800,000,000	
1.1.11	Chỉnh trang nút giao thông tại ngã tư đường Trần Bá Song-Nguyễn Vịnh			100,000,000	

1.1.12	Trường Mầm non Bình Minh. HM: Chống thấm, sơn tường rào và các dãy phòng học			700,000,000	
1.1.13	Trường TH số 2 thị trấn Sịa. HM: Nhà bán trú			1,500,000,000	
1.1.14	Xây dựng tuyến mương Ruộng Vại, mương Bàu Cỏ, Bàu Đó			900,000,000	
1.1.15	Kênh tưới Bàu Kho và mố cống ngăn mặn An Gia			400,000,000	
1.1.16	Xây dựng tuyến kênh tưới Tiền Đồng HTX số 1			1,200,000,000	
1.1.17	Tuyến đường GTNĐ rẻ nhánh từ Phước Lập đến Kiệt 1 Trương Thị Dương			1,100,000,000	
1.1.18	GPMB CT: Chỉnh trang thoát nước vỉa hè đoạn từ đường Nguyễn Vịnh đến Tổ dân phố Giang Đông			550,000,000	
1.2	**Công trình đầu tư năm 2024**			**150,000,000**	
1.2.1	Trường Tiểu học số 2 thị trấn Sịa. Hạng mục: Nhà bảo vệ			150,000,000	
1.3	**Đối ứng các CT**			**3,500,000,000**	
1.3.1	Nhà đa năng trường THCS Đặng Dung			2,700,000,000	
1.3.2	Các công trình khác			800,000,000	
2	**Chi thường xuyên từ tiền sử dụng đất**			**775,000,000**	
2.1	Cắm cọc phân lô đấu giá đất			243,600,000	
2.2	Mua xi măng bê tông hóa đường GTNT và hệ thống thoát nước vỉa hè các TDP			300,000,000	
2.2	Chi khác			231,400,000	
II	**Chi thường xuyên**	**6,146,000,000**	**133,000,000**	**6,013,000,000**	
1	**Chi Quốc phòng - An ninh**	**769,000,000**	**12,000,000**	**757,000,000**	
1.1	**Chi hoạt động của Quốc phòng**			**467,480,000**	
-	Phụ cấp Luật dân quân tự vệ			216,955,200	
-	Phụ cấp đặc thù DQTV			56,760,000	
-	Phụ cấp thâm niên DQTV			10,427,616	
-	Chi khác			91,337,184	
-	Chi khám tuyển NVQS			20,000,000	

-	Chi huấn luyện			50,000,000	
-	Chi thường xuyên			22,000,000	
1.2	**Chi hoạt động của an ninh**			**285,520,000**	
-	Chi phụ cấp Bảo vệ dân phố, tổ bảo vệ TDP			263,520,000	
-	Chi thường xuyên			22,000,000	
1.3	**Chi hội nghị tổng kết + sơ kết mô hình**			**4,000,000**	
2	**Chi sự nghiệp kinh tế**	**70,000,000**		**70,000,000**	
3	**Chi sự nghiệp văn hóa-thông tin, TDTT**	**146,000,000**	**14,600,000**	**131,400,000**	
3.1	Văn hoá thông tin -TDTT (bao gồm Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết NTM văn minh và "Toàn dân đoàn kết XD ĐSVH ở khu dân cư, Hỗ trợ Làng Văn hóa, các ngày lễ lớn,…)	100,000,000	10,000,000	90,000,000	
3.2	Sự nghiệp phát thanh	30,000,000	3,000,000	27,000,000	
3.3	Sự nghiệp thể dục thể thao	16,000,000	1,600,000	14,400,000	
4	**Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội**	**40,000,000**	4,000,000	**36,000,000**	
5	**Chi sự nghiệp đào tạo cán bộ**	**41,000,000**	4,100,000	**33,900,000**	
6	**Chi sự nghiệp y tế, dấn số và gia đình**	**30,000,000**	3,000,000	**27,000,000**	
7	**Chi quản lý hành chính**	**5,020,000,000**	**92,300,000**	**4,930,700,000**	
7.1	**Chi quản lý hành chính theo định mức**	**3,819,000,000**	**0**	**3,819,000,000**	
7.1.1	**Quỹ lương và phục cấp theo lương**			**3,540,358,020**	
-	Cán bộ công chức- chuyên trách			2,606,614,020	
+	*Lương phụ cấp*			*1,951,706,340*	
+	*Phụ cấp công vụ*			*395,707,680*	
+	*Phụ cấp cấp ủy*			*84,240,000*	
+	*Phụ cấp đại biểu hội đồng nhân dân*			*162,000,000*	
+	*Phụ cấp trưởng, phó ban của HĐND*			*12,960,000*	
-	Người hoạt động không chuyên trách			933,744,000	
+	*Phụ cấp người hoạt động không chuyên trách*			*910,944,000*	
+	*Phụ cấp hành chính 1 cửa*			*16,800,000*	
+	*Hỗ trợ trang phục CB 1 cửa*			*6,000,000*	

7.1.2	**Các khoản phụ cấp khác**			**278,641,980**	
+	*BHXH, BHYT người hoạt động không chuyên trách*			*44,064,000*	
+	*Phụ cấp hội đặc thù*			*43,200,000*	
+	*Phụ cấp CB công chức làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính*			*3,840,000*	
+	*Các khoản phụ cấp khác*			*187,537,980*	
7.2	**Chi thường xuyên**	**512,000,000**	**51,200,000**	**463,800,000**	
-	Chi hoạt động của Đảng ủy(gồm chi hoạt động công tác Đảng theo QĐ 99/QĐ-TW)			58,500,000	
-	Chi hoạt động của HĐND			45,000,000	
-	Chi hoạt động của UBND			193,600,000	
-	Hỗ trợ các ngày lễ, Tết			44,300,000	Chi hỗ trợ theo QC chi tiêu nội bộ
-	Mua sắm tài sản			25,000,000	
-	Chi khoán công tác phí			39,600,000	
-	Chi công tác bão lụt			20,000,000	
-	Hỗ trợ CB luân chuyển			20,000,000	
-	Hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên cho các TDP			10,000,000	1 triệu/TDP * 10TDP
-	Hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên cho Ban bảo vệ TDP			3,000,000	
-	Phụ cấp phó tổ trưởng tổ dân phố			4,800,000	100.000 đồng*4 người *12 tháng
7.3	**Hoạt động ban thanh tra nhân dân**	**5,000,000**	**500,000**	**4,500,000**	
7.4	**Chi Ban giám sát đầu tư cộng đồng**	**3,000,000**	**300,000**	**2,700,000**	
7.5	**Chi hỗ trợ hoạt động các tổ chức chính trị cấp thị trấn, TDP**	**313,000,000**	**11,500,000**	**301,500,000**	
-	Chi hỗ trợ hoạt động các tổ chức chính trị cấp thị trấn	75,000,000	7,500,000	67,500,000	
+	*Chi hoạt động của Mặt trận*	*15,000,000*	*1,500,000*	*13,500,000*	
+	*Chi hoạt động của Phụ nữ*	*15,000,000*	*1,500,000*	*13,500,000*	
+	*Chi hoạt động của Đoàn thanh niên*	*15,000,000*	*1,500,000*	*13,500,000*	
+	*Chi hoạt động của Hội cựu chiến binh*	*15,000,000*	*1,500,000*	*13,500,000*	
+	*Chi hoạt động của Hội nông dân*	*15,000,000*	*1,500,000*	*13,500,000*	
-	Chi hỗ trợ hoạt động các tổ chức chính trị TDP	94,000,000	4,000,000	90,000,000	

-	Chi hỗ trợ các chi hội trưởng các đoàn thể	144,000,000		144,000,000	
7.6	**Chi công tác hòa giải cấp cơ sở**	**18,000,000**	**1,800,000**	**16,200,000**	
7.7	**Chi hoạt động công vụ Đảng, QLNN, Đoàn thể**	**100,000,000**	**26,500,000**	**73,500,000**	
7.8	**Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ban quản lý trung tâm thương mại, công tác quản lý đô thị**	**250,000,000**	**500,000**	**249,500,000**	
-	Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ban quản lý trung tâm thương mại			245,000,000	
-	Công tác quản lý đô thị		500,000	4,500,000	
8	**Chi khác**	**30,000,000**	**3,000,000**	**27,000,000**	
-	Chi khen thưởng			6,000,000	
-	Chi Hội người cao tuổi			1,500,000	
-	Chi Hội cựu thanh niên xung phong			1,500,000	
-	Chi hỗ trợ công tác hội chữ thập đỏ			10,000,000	
-	Chi Hội người tù yêu nước			1,500,000	
-	Vì sự tiến bộ phụ nữ			2,000,000	
-	Hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện phong trào thi đua yêu nước " CCB gương mẫu" giai đoạn 2019-2024			3,200,000	
-	Chi hỗ trợ tổng kết Hội Trường Sơn đường Hồ Chí Minh			1,300,000	
III	**Chi dự phòng**	**185,000,000**		**185,000,000**	
IV	**Trích 10% tiết kiệm chi thường xuyên để CCTL**			**133,000,000**	

Ghi chú: Dự toán đã trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên và sẽ trừ thêm nếu số thu trong năm thu không đạt so với dự toán huyện giao, kinh phí mua báo, văn phòng phẩm và sửa chữa máy vi tính các ngành, đoàn thể tự chủ .